

HOÀN THIỆN KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VỀ NGÂN HÀNG XANH TẠI VIỆT NAM

✍️ TRẦN THỊ KIM LIÊN - ĐÌNH TRẦN DŨNG*

Ngày nhận: 4/3/2019

Ngày phản biện: 15/4/2019

Ngày duyệt đăng: 24/5/2019

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khan hiếm nguồn nước, gia tăng dân số đã và đang là mối đe dọa thường trực của các quốc gia trên thế giới. Điều đó khiến cho Việt Nam cũng như nhiều quốc gia hướng tới một mô hình phát triển bền vững. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã chỉ ra rằng tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ các ngành. ... Để thực hiện thành công chiến lược này không thể thiếu một nhân tố quan trọng là các ngân hàng xanh. Tuy nhiên, khung pháp lý cho hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam còn khá sơ sài và chưa mang tính cưỡng chế cao. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để hoàn thiện khung khổ pháp lý khuyến khích ngân hàng xanh phát triển, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia?

Từ khóa: Ngân hàng xanh, tín dụng xanh, khung pháp lý ngân hàng xanh

IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK FOR GREEN BANKS IN VIETNAM

Abstract: Climate change, environmental pollution, water scarcity, population growth have been a constant threat of countries around the world. That makes VietNam as well as many countries towards a sustainable development model. The national strategy on green growth in the period of 2011-2020 and vision until 2050 has shown that green growth is the cause of the whole Party, the whole people, all levels of government, ministries and sectors ... This strategy is indispensable to an important factor of green banks. However, the legal framework for green banking operations in Vietnam is still quite sketchy and not highly enforced. The question is how to improve the legal framework to encourage green banks to grow, contributing to the implementation of the country's sustainable development goals?

Keywords: Green bank, green credit, green banking legal framework

1. Ngân hàng xanh

1.1. Khái niệm Ngân hàng xanh

Trên thế giới, Ngân hàng xanh được phát triển đầu tiên từ năm 2003 tại các nước phương Tây với mục đích bảo vệ môi trường. Hiện nay, vẫn chưa có một khái niệm chung về ngân hàng xanh, tuy nhiên theo Lalon (2015) cho rằng ngân hàng xanh được hiểu theo nghĩa rộng là bất kỳ hình thức ngân hàng nào từ đó sẽ có lợi cho môi trường của một quốc gia. Một ngân hàng thông thường trở thành ngân hàng xanh bằng cách thay đổi các hoạt động của ngân hàng thân thiện với môi trường, đồng thời có chiến lược phát triển ngân hàng vừa đảm bảo lợi ích kinh tế và môi trường. Hiểu theo nghĩa hẹp hơn của UN ESCAP (2012), ngân hàng xanh chỉ các hoạt động, nghiệp vụ của ngân hàng khuyến khích các hoạt động vì môi trường và giảm phát thải Cacbon.

Tóm lại, ngân hàng xanh được hiểu là một ngân hàng cung cấp dịch vụ ngân hàng xanh trong ngắn

hạn và thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn.

Một ngân hàng xanh sẽ có những điểm khác biệt so với một ngân hàng truyền thống như trong *bảng 1*.

Bảng 1: Sự khác biệt giữa NHX và NH truyền thống

Tiêu thức	Ngân hàng truyền thống	Ngân hàng xanh
Mục đích	Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông	Cấp tín dụng cho các dự án hỗ trợ năng lượng và thị trường carbon thấp
Nguồn vốn	Vốn từ cổ đông và vốn tiền gửi	Nguồn vốn của Chính phủ, các quỹ
Thể chế	Sở hữu của tư nhân hoặc Nhà nước	Được thiết lập như một công cụ chính trị để thúc đẩy năng lượng sạch

Như vậy, *thứ nhất*, mục đích của một ngân hàng xanh là tối đa hóa việc triển khai năng lượng sạch,

* Trường Đại học Công đoàn

đồng thời giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp. Mục đích này được thực hiện thông qua các khoản đầu tư xanh nhằm tạo ra và hỗ trợ năng lượng sạch và thị trường carbon thấp.

Thứ hai, nguồn vốn của các ngân hàng truyền thống từ các cổ đông, người gửi tiền. Ngân hàng này sử dụng vốn cho vay các dự án mang lại lợi nhuận cao. Còn với các ngân hàng xanh sử dụng nguồn vốn từ Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các quỹ tài trợ biến đổi khí hậu, trái phiếu xanh... để tài trợ cho các dự án hỗ trợ năng lượng sạch hoặc các dự án đầu tư giảm phát thải carbon.

Thứ ba, Ngân hàng truyền thống có thể thuộc sở hữu Nhà nước hoặc tư nhân còn các Ngân hàng xanh nói chung thuộc sở hữu Nhà nước và sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước để thu hút nguồn tài chính tư nhân. Tuy nhiên, các ngân hàng xanh vẫn có thể thể tạo ra sự độc lập với Chính phủ để tránh các can thiệp chính trị và thu hút các dòng vốn đầu tư dài hạn từ các nhà đầu tư tổ chức.

1.2. Mô hình ngân hàng xanh

Kaeufer (2010) đã đưa ra mô hình ngân hàng xanh 5 cấp độ như sau:

Cấp độ 1: Ở cấp độ này các ngân hàng tài trợ cho các sự kiện xanh và thực hiện các hoạt động cộng đồng không liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của ngân hàng.

Cấp độ 2: Ngân hàng phát triển thêm các sản phẩm và dịch vụ xanh riêng biệt, chiếm tỷ trọng nhỏ bên cạnh danh mục các sản phẩm ngân hàng truyền thống.

Cấp độ 3: Ở cấp độ này, các sản phẩm, quy trình của ngân hàng đều tuân thủ theo nguyên tắc xanh. Hoạt động của ngân hàng có hệ thống và cơ cấu tổ chức ngân hàng được thiết kế để hỗ trợ nguyên tắc xanh trên 4 giác độ: con người, quy trình, nguyên tắc và mục đích.

Cấp độ 4: Cân bằng hệ sinh thái mang tầm chiến lược, sự bền vững của xã hội, môi trường và tài chính không chỉ giới hạn ở phạm vi các nghiệp vụ đơn lẻ mà được mở rộng thành mạng lưới, liên minh, đối thoại cộng đồng.

Cấp độ 5: Sáng kiến cân bằng hệ sinh thái chủ động. Ở cấp độ này, hoạt động ngân hàng xanh giống như ở cấp độ 4 nhưng được thực hiện một cách chủ động có mục đích chứ không phải ứng phó với sự thay đổi bên ngoài.

2. Phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam

Trong thời gian gần đây, một số ngân hàng đã triển khai các gói tín dụng xanh như cho vay tiết kiệm năng lượng, sử dụng công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tái tạo... Điển hình như một số chương

trình xanh của ngân hàng BIDV, theo đó ngân hàng này đã tham gia làm ngân hàng bán buôn cho 4 dự án tài chính nông thôn do World Bank (WB) tài trợ với tổng giá trị khoảng 620 triệu USD từ năm 1999 đến nay. Vietinbank cũng là một ngân hàng đã ban hành chính sách môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định cho vay dự án tiết kiệm năng lượng và tiếp cận nguồn vốn để cấp tín dụng xanh thông qua các tổ chức quốc tế như WB, ADB... Các ngân hàng khác như Techcombank, Maritime Bank... đều có các dịch vụ ngân hàng điện tử như internet banking, mobile banking... hoạt động song song với các nghiệp vụ ngân hàng truyền thống, các dịch vụ này là một bộ phận lớn trong việc xây dựng ngân hàng xanh.

Theo kết quả điều tra khảo sát của các nhà kinh tế đối với 32 ngân hàng thương mại (trong đó có 2 ngân hàng lớn là BIDV và Agribank) thông qua các câu hỏi sử dụng thang đo likert từ 1 đến 5 (1: hoàn toàn không đồng ý; 2: không đồng ý một phần; 3: đồng ý; 4: đồng ý ở mức độ cao; 5: hoàn toàn đồng ý) cho thấy các ngân hàng vẫn chưa có nhiều hoạt động gắn với ngân hàng xanh, chủ yếu vẫn là các khoản cấp tín dụng cho các doanh nghiệp liên quan đến công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng công nghệ xanh sạch (3,492/5 phiếu đồng ý), tiếp đến là các hoạt động ngân hàng xanh trong nội bộ ngân hàng với 3,479/5 phiếu đồng ý (bảng 2).

Bảng 2: Các hoạt động ngân hàng xanh do NHTM Việt Nam cung cấp

STT	Hoạt động	Thang điểm 5
1.	Cấp tín dụng cho các doanh nghiệp liên quan đến công nghệ tiết kiệm năng lượng và/hoặc sử dụng công nghệ xanh sạch	3,492
2.	Nội bộ ngân hàng thực hiện các hoạt động môi trường	3,479
3.	Yêu cầu các DN được hỗ trợ vốn thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường	3,438
4.	Cấp tín dụng cho dự án sử dụng năng lượng tái tạo	3,413
5.	Hỗ trợ các ngành/lĩnh vực khác thúc đẩy tăng trưởng nhanh	3,378
6.	Internet banking	3,254
7.	Cung cấp các điều kiện vay vốn ưu đãi với các dự án, khoản đầu tư xanh	3,207

Nguồn: Báo cáo hội thảo “Vai trò của ngân hàng xanh trong xanh hóa nền kinh tế”

Nhìn chung, hiện nay ở Việt Nam chưa có một ngân hàng xanh đúng nghĩa, tất cả chỉ dừng lại ở cấp độ 1 trong mô hình ngân hàng xanh 5 cấp độ. Vậy đâu là rào cản để phát triển mô hình ngân hàng xanh tại Việt Nam?

Thứ nhất, về nhận thức của bản thân các tổ chức tín dụng cũng như khách hàng về ngân hàng xanh còn khá hạn chế. Theo kết quả khảo sát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tháng 6 năm 2014 đối với 54 Ngân hàng thương mại (NHTM) cho thấy: 91% thừa nhận chưa có chính sách phát triển xanh, 35% chưa từng biết đến các khái niệm về các vấn đề môi trường xã hội. Trên thực tế, các ngân hàng có tìm hiểu những định hướng của Chính phủ về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh song các quy định hiện hành chưa đầy đủ, đồng bộ và chưa có tính cưỡng chế cao để triển khai hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam. Đối với các khách hàng, hầu như họ không biết các thông tin, chính sách liên quan đến ngân hàng xanh, tín dụng xanh và nếu có biết thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm dịch vụ xanh còn thấp.

Thứ hai, về cơ chế, chính sách cho phát triển tài chính xanh, ngân hàng xanh còn thiếu các quy định rõ ràng, khung pháp lý và quy trình thẩm định tín dụng xanh của NHNN hiện vẫn chưa có. Do vậy, các ngân hàng rất khó khăn trong việc cấp tín dụng cho các dự án xanh. Đồng thời, chưa có sự phối hợp giữa các bộ, ngành để xây dựng một hệ thống phân loại, đánh giá các ngành nghề gây ô nhiễm môi trường và xây dựng các tiêu chí lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh đáp ứng đủ tiêu chuẩn kinh tế xanh, theo đó các ngân hàng có cơ sở đánh giá khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án này.

Thứ ba, Những dự án về môi trường thường có sự phức tạp trong đánh giá kĩ thuật, công nghệ. Điều đó đòi hỏi các ngân hàng phải có đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, năng lực thẩm định các dự án, phương án vay vốn gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, trên thực tế, đội ngũ này của ngân hàng còn rất thiếu.

3. Thực trạng khung khổ pháp lý về ngân hàng xanh tại Việt Nam

3.1. Cơ sở pháp lý định hướng phát triển kinh tế xanh tạo nền tảng cho ngân hàng xanh ở Việt Nam hiện nay

a) Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh

Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050" theo quyết định số 1393/QĐ-TTg. Chiến lược đã đưa ra ba mục tiêu cụ thể: (1) Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên có giá trị gia tăng cao; (2) Nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài

nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (3) Nâng cao đời sống, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược đã đưa ra 17 nhóm giải pháp để thực hiện như: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân, khuyến khích hỗ trợ thực hiện; nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại...; huy động nguồn lực thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh... Như vậy, trong số 17 nhóm giải pháp phải kể đến giải pháp thứ 14 đã đề cập đến việc huy động nguồn lực thực hiện chiến lược. Hiện nay, bên cạnh nguồn tài chính để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh từ nguồn ngân sách Nhà nước, các tổ chức quốc tế thì Chính phủ đã đề cập tới việc ban hành cơ chế, chính sách sử dụng nguồn tài chính khác thông qua các công cụ tài chính như: tài chính xanh, ngân hàng xanh, trái phiếu xanh... Như vậy, có thể nói chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh là nền tảng cơ sở pháp lý để cập đến tài chính xanh, tuy nhiên các nội dung liên quan đến ngân hàng xanh chưa được đề cập đến trong văn bản này.

b) Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 12/4/2012 theo quyết định 432/QĐ-TTg. Mục tiêu của Chiến lược là tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị xã hội... Theo đó, các chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 lần đầu tiên được công bố bao gồm: các chỉ tiêu tổng hợp: GDP xanh, chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số bền vững môi trường (ESI); Chỉ tiêu về kinh tế: hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, năng suất lao động xã hội...; Các chỉ tiêu về xã hội: tỷ lệ nghèo, tỷ lệ thất nghiệp...; Các chỉ tiêu về tài nguyên môi trường: tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ đất được bảo vệ... Dựa vào các chỉ tiêu nói trên, Chiến lược đã đưa ra các giải pháp nhằm phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020, trong đó nhóm giải pháp thứ hai về tăng cường các nguồn tài chính để thực hiện phát triển bền vững và nhóm giải pháp thứ 5 nâng cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và

cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững đã đề cập đến việc xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp, cá nhân cung cấp tài chính, đầu tư cho mục tiêu phát triển bền vững. Văn bản này cũng chưa có nội dung đề cập đến ngân hàng xanh.

c) Luật bảo vệ môi trường

Ngày 23/6/2014, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/1/2015. Luật này bao gồm 20 chương và 170 điều là khuôn khổ pháp lý về bảo vệ môi trường nói chung như đề cập đến vấn đề bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái, sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trong khoản 7 điều 6 của Luật đã đề cập đến thuật ngữ tín dụng xanh, đầu tư xanh. Như vậy luật này quy định trách nhiệm của các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án có liên quan đến môi trường. Đây được coi là văn bản pháp lý đề cập đến một trong các khía cạnh của ngân hàng xanh dưới góc độ đánh giá các rủi ro môi trường xã hội của ngân hàng trong hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án liên quan đến vấn đề môi trường xã hội.

d) Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020

Năm 2014 tại quyết định số 403/QĐ - TTg ban hành ngày 20/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020. Kế hoạch nêu rõ quan điểm, mục tiêu cũng như giải pháp làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Nội dung của kế hoạch gồm 4 chủ đề chính bao gồm: Xây dựng thể chế và kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương; Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Thực hiện xanh hóa sản xuất; Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững. Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan đưa ra các giải pháp triển khai, thực hiện theo kế hoạch cho giai đoạn 2014 - 2020. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được giao hoàn thiện thể chế về tài chính và tín dụng cho phù hợp với những mục tiêu tăng trưởng xanh, cụ thể:

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế về tài chính và tín dụng cho phù hợp với những mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính trong hoạt động tài chính - tín dụng xanh.

- Xây dựng và phát triển các dịch vụ tài chính ngân hàng hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tăng trưởng xanh.

Như vậy, kế hoạch này được coi là văn bản pháp lý cao nhất cho việc thực hiện ngân hàng xanh tại Việt Nam hiện nay.

Tóm lại, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Luật bảo vệ môi trường đã tạo định hướng phát triển kinh tế theo hướng bền vững, từ đó tạo nền tảng cho việc triển khai ngân hàng xanh tại Việt Nam. Đặc biệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 đã phần nào đề cập trực tiếp đến ngân hàng xanh.

3.2. Cơ sở định hướng phát triển ngân hàng xanh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

a) Quyết định số 1552/QĐ - NHNN ban hành ngày 6/8/2015 về kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020.

Chiến lược đã đưa ra các mục tiêu cũng như nhiệm vụ chủ yếu cho ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế về ngân hàng và tín dụng phù hợp với những mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Tăng cường năng lực cho hệ thống ngân hàng trong thực hiện ngân hàng - tín dụng xanh.

- Xây dựng các giải pháp nhằm thúc đẩy các sản phẩm ngân hàng - tín dụng xanh, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tăng trưởng xanh.

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến về hoạt động ngân hàng - tín dụng xanh.

Như vậy, kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã tạo cơ sở pháp lý trực tiếp cho việc triển khai các hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam. Kế hoạch đã đề cập đến việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng xanh, trong đó nhấn mạnh đến sản phẩm tín dụng xanh. Đồng thời, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng. Chỉ thị đã chỉ rõ hoạt động cấp tín dụng của ngành ngân hàng cần chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên năng lượng, cải thiện chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe con người đảm bảo phát triển bền vững. Vì vậy, các tổ chức tín dụng

(TCTD) cần thực hiện rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế tín dụng cho phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh; tập trung nguồn lực để cấp tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường và xã hội. Đặc biệt chỉ thị đã đề cập đến việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng thông qua việc cải thiện các chính sách, nguồn lực, quy trình và thủ tục cấp tín dụng. Tóm lại, Chỉ thị mới chỉ dừng lại ở tính chất khuyến khích, định hướng các TCTD, thiếu các hướng dẫn pháp lý và kỹ thuật cần thiết để ngân hàng tuân thủ và áp dụng trong khi việc phát triển tín dụng xanh là một sáng kiến mới mang tính chuẩn mực quốc tế mà hệ thống ngân hàng Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm.

b) Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ban hành ngày 7/8/2018 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.

Đề án đã đưa ra các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể hướng đến từng bước tăng tỷ trọng vốn tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh cần ưu tiên hỗ trợ trong Danh mục dự án xanh do NHNN ban hành. Đồng thời, Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ đi cùng với xây dựng thói quen thân thiện với môi trường cho khách hàng trong khuôn khổ các hoạt động ngân hàng; phát triển mạnh các kênh giao dịch điện tử, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới trên nền tảng công nghệ hiện đại.

Theo đó, phấn đấu đến năm 2025, 100% ngân hàng xây dựng được quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; 100% các ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; Áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường cho các dự án được ngân hàng cấp vốn vay; Kết hợp đánh giá rủi ro môi trường như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng. Ít nhất 10-12 ngân hàng có đơn vị/ bộ phận chuyên trách về quản lý rủi ro môi trường và xã hội; 60% ngân hàng tiếp cận được nguồn vốn xanh và triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh.

Đề án cũng đưa ra giải pháp phát triển ngân hàng xanh ở Việt Nam. Trong đó, nhóm giải pháp đối với NHNN trước hết là xây dựng và ban hành hướng dẫn để định hướng phát triển ngân hàng xanh cho các TCTD. Ban hành hướng dẫn về hoạt động ngân hàng xanh, tín dụng xanh trong đó nêu rõ định nghĩa của hoạt động tín dụng xanh, ngân hàng xanh; các tiêu chí đánh giá ngân hàng xanh trong đó bao gồm: Hệ thống các quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường

xã hội; Mô hình tổ chức để triển khai các hoạt động quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong quy trình cấp tín dụng; Tỷ trọng vốn tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh cần ưu tiên hỗ trợ trong danh mục dự án xanh do NHNN ban hành; Chất lượng đào tạo, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ ngân hàng nói chung và cán bộ tín dụng nói riêng trong phát triển bền vững, tín dụng xanh, ngân hàng xanh.

Đồng thời, NHNN ban hành hướng dẫn xây dựng báo cáo về ngân hàng xanh/ tín dụng xanh trong đó chi tiết các chỉ tiêu và yêu cầu báo cáo bảo đảm những nội dung sau: Quản trị và cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách và năng lực tài chính, quản lý quy trình, kiểm soát nội bộ và công bố thông tin; Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho 11 các ngành kinh tế còn lại trong tổng số 21 nhóm ngành chưa có hướng dẫn trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD; Định kỳ cập nhật Danh mục dự án xanh.

Như vậy, hiện nay ở Việt Nam thiếu khung pháp lý thực hiện hỗ trợ ngân hàng xanh, tín dụng xanh của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Đồng thời từ phía bản thân các ngân hàng cũng thiếu các quy định nội bộ về thẩm định và đánh giá rủi ro môi trường xã hội của các dự án để quyết định cấp tín dụng.

4. Một số khuyến nghị hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động ngân hàng xanh tại Việt Nam

4.1. Hình thành đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến ngân hàng xanh

Bên cạnh việc hoàn thiện các chính sách, luật như luật bảo vệ môi trường, luật tài nguyên nước, luật đất đai... để hỗ trợ cho hoạt động ngân hàng xanh, cần hoàn thiện các luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng xanh như luật Ngân hàng Nhà nước, luật các TCTD bởi thực tế trong các luật này chưa đề cập đến hoạt động của ngân hàng xanh. Đồng thời về phía cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng cần bổ sung xem xét các nội dung liên quan đến tác động của dự án được cấp tín dụng đối với môi trường trong Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7/4/2014 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng. Từ đó có các giải pháp ngăn ngừa và chế tài xử phạt đối với các ngân hàng "cố tình" cấp tín dụng cho các dự án không đạt yêu cầu.

Mặt khác, từ phía NHNN cần xây dựng những chỉ số đo lường và định lượng tăng trưởng tín dụng xanh như các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong

hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án liên quan đến môi trường xã hội của ngân hàng. Cụ thể cần bổ sung thêm vào Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 về các điều khoản quy định trách nhiệm của TCTD trong việc quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, bổ sung quy định giới hạn cấp tín dụng cho các dự án sản xuất kinh doanh gây tác động xấu đến môi trường xã hội.

4.2. Ban hành cơ chế, chính sách cho hoạt động tín dụng xanh của ngân hàng

- NHNN cần sớm ban hành chương trình phát triển ngân hàng xanh với mục tiêu, giải pháp, lộ trình cụ thể, ví dụ quy định 5% dư nợ cho vay đối với các dự án liên quan đến môi trường, từ đó tăng cường vai trò của ngân hàng xanh đối với sự phát triển bền vững. Đồng thời có cơ chế khuyến khích các ngân hàng khi cấp tín dụng cho các dự án thân thiện môi trường cụ thể: NHNN bổ sung thêm nguồn vốn cho phát triển tín dụng xanh thông qua chính sách tái cấp vốn, tái chiết khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng có tỷ lệ từ 10% tổng dư nợ trở lên được đánh giá là dư nợ tín dụng xanh. Ngoài ra, NHNN cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên Môi trường xây dựng cơ chế động lực thúc đẩy tài chính xanh như ưu đãi về thuế, lãi suất, ổn định giá đầu ra cho các dự án xanh cho doanh nghiệp từ đó hỗ trợ các NHTM thẩm định về hiệu quả, khả năng trả nợ của khách hàng.

- NHNN cần ban hành các hướng dẫn và bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường, xã hội để các ngân hàng áp dụng khi thẩm định cấp tín dụng. Đồng thời, NHNN cần phối kết hợp với các Bộ, ban ngành khác trong việc xây dựng các tiêu chí về môi trường cụ thể cho các ngành nghề, lĩnh vực để hệ thống ngân hàng có đủ căn cứ thẩm định. Ngoài ra, cần nghiên cứu xây dựng danh sách ngành nghề nên hạn chế đầu tư và cấp tín dụng. □

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/9/2012.
2. Chỉ thị 03/CT-NHNN 2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.
3. Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.
4. Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 ban hành theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.
5. Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến

lược quốc gia về tăng trưởng xanh ban hành theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

6. Luật Bảo vệ môi trường số 55 ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.
7. Quyết định về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam số 1604/QĐ-NHNN của NHNN ngày 7/8/2018.
8. Trần Thị Thanh Tú (chủ biên). Tài chính ngân hàng kế toán xanh kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2017.
9. Cần Văn Lực (2016), "Vai trò của ngân hàng xanh trong phát triển kinh tế bền vững - thực trạng và giải pháp đối với Việt Nam", kỷ yếu hội thảo vai trò ngân hàng xanh trong xanh hóa nền kinh tế, tháng 9/2016.
10. Lalou, R. M. (2015). Green banking: Going green. *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 3(1), 34-42. doi: 10.11648/j.ijefm.20150301.15
11. Kaeuffer, K. (2010). *Banking as a vehicle for socio-economic development and change: Case studies of socially responsible and green banks*. Presencing Institute, Cambridge, MA.
12. UN Escap (2012), Green Finance, Available from www.unescap.org/esd/environment/lcgg/...fact...FS-Green-Finance.pdf
13. Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngày 20/11/2014.
14. Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra, giám sát ngành ngân hàng số 26/2014/NĐ-CP ngày 7/4/2014.

MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU...

(Tiếp theo trang 78)

Anh Mỹ, từ đó có thể so sánh, đối chiếu để sử dụng linh hoạt và hiệu quả trong mọi tình huống giao tiếp với người nước ngoài. □

Tài liệu tham khảo

1. American Heritage Dictionary (<https://www.ahdictionary.com>).
2. Crystal, D. (1995). *The Cambridge Encyclopedia of the English Language*. Cambridge University Press. ISBN 9780521401791
3. Davies, CH. (2005). *Divided by a Comm\='-091''1234n Language*. Mayflower Press. ISBN-13 978- 0-618-00275-7
4. Dillard, J.L. (1992). *A History of American English*. London: Longman.
5. Finegan, E. - Rickford, J. R. (2004). *Language in the USA*. New York: Cambridge University Press. ISBN-13 978-0-511-21054-9
6. Online Etymology Dictionary: Basket case. March 25, 2019 [online] Available: http://www.etymonline.com/index.php?_allowed_in_frame=0&search=basket+case&sear chmode=none
7. Swan, M. (2005). *Practical English Usage*. Oxford University Press. ISBN-13 978 0 19 442099 0
8. Weinreich, Uriel. (1953). [1968]. *Languages in Contact*. The Hague: Mouton.